TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/DS-ST
Ngày: 16/4/2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tường Vân

2. Bà Lê Thị Tâm

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên toà: Không.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2025/TLST- DS ngày 26 tháng 11 năm 2025 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2026/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Đ - sinh năm 1986. Số CCCD: 038186xxxxxx.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Ông Quách Văn T - sinh năm 1986. Số CCCD: 038086xxxxxx.

Bà Lữ Thị V - sinh năm 1993. Số CCCD: 040193xxxxxx.

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/11/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Bùi Thị Đ *trình bày:*

Ông Quách Văn T có vay của bà Bùi Thị Đ tổng số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), bà Đ có chuyển khoản cho ông T làm 06 lần đều qua số tài khoản 0396144333 của ngân hàng B là Quách Văn T, cụ thể như sau: Ngày 10/5/2024 là 2.000.000 đồng, ngày 27/5/2024 là 1.000.000 đồng, ngày 03/6/2024 là 500.000 đồng, ngày 08/6/2024 là 500.000 đồng, ngày 17/6/2024 là 500.000 đồng, ngày 10/7/2024 là 500.000 đồng. Khi vay ông T có hẹn với bà Đ đến ngày 20/8/2024, ông T có lương sẽ trả cho bà Đ. Khi vay hai bên không thoả thuận lãi suất. Quá hạn trả nợ nhưng ông T vẫn cố tình không trả dù bà Đ đã nhiều lần đòi nợ. Sau đó, ông T chặn số liên lạc với bà Đ nên bà Đ không liên lạc được với ông T nữa.

Bà Lữ Thị V (vợ ông T) có vay của bà Đ là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) cả tiền mặt và tiền qua chuyển khoản, hai bên thống nhất chốt số nợ là 4.000.000 đồng vào ngày 27/7/2024, khi vay hai bên không thoả thuận về lãi suất và ngày trả nợ.

Ông Quách Văn T và bà Lữ Thị V là vợ chồng, khi bà Bùi Thị Đ cho ông T vay tiền thì bà V có biết, khi bà Đ cho bà V vay tiền thì ông T có biết. Nợ cũng đã lâu, bà Đ đã nhiều lần đòi nợ nhưng vợ chồng ông T, bà V vẫn cố tình khất lần không trả nợ. Nay bà Đ yêu cầu vợ chồng ông Quách Văn T, bà Lữ Thị V phải trả cho bà Đ số tiền nợ gốc đã vay là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng), bà Đ không yêu cầu ông T, bà V phải trả tiền lãi phát sinh.

Bị đơn ông Quách Văn T và bà Lữ Thị V sau khi thụ lý vụ án đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai của ông T, bà V và không tiến hành hoà giải được vụ án, nên Toà án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa bà Bùi Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên toà ông Quách Văn T và bà Lữ Thị V đều công nhận việc ông T có vay của bà Đ 5.000.000 đồng và bà V có vay của bà Đ 4.000.000 đồng. Tổng số tiền hai vợ chồng vay bà Đ 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) như bà Đ đã khai là đúng thực tế. Khoản vay này không có lãi, khi vay hai bên không thoả thuận về ngày trả nợ. Ông T, bà V công nhận đây là khoản tiền nợ chung của vợ chồng. Ngày 15/8/2024, bà V có gọi điện cho bà Đ đến nhà bà V để lấy tiền nhưng bà Đ không đến lấy. Sau đó, bà Đ đã bêu riếu, nói xấu vợ chồng bà V, ông T lên mạng xã hội nên vợ chồng bà V, ông T không trả tiền cho bà Đ nữa và làm đơn yêu cầu công an xã N, tỉnh Thanh Hoá giải quyết việc bà Đ bôi nhọ, xúc phạm danh dự nhân phẩm vợ chồng ông T, bà V. Nay bà Đ làm đơn yêu cầu vợ chồng ông T, bà V phải trả khoản tiền nợ đã vay, vợ chồng ông T, bà V sẽ có trách nhiệm trả nợ, nhưng sẽ trả cho bà Đ sau khi công an xã giải quyết xong vụ việc. Hiện nay vợ chồng bà V, ông T làm công nhân, lương thấp phải nuôi bố mẹ và con nhỏ nên sẽ trả dần cho bà Đ mỗi tháng một ít cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị Đ khởi kiện yêu cầu ông Quách Văn T, bà Lữ Thị V phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 9.000.000đ (chín triệu đồng), ông T và bà V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa theo Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự vụ án có quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng, bản chụp giao dịch chuyển khoản cũng như tin nhắn qua Zalo mà nguyên đơn là bà Bùi Thị Đ cung cấp, thể hiện ông Quách Văn T có vay của bà Bùi Thị Đ số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Bà Lữ Thị

V có vay của bà Bùi Thị Đ số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Khi vay không thoả thuận lãi suất, ông T có giao hẹn có lương sẽ trả cho bà Đ nhưng cũng không xác định được ngày ông T có lương là ngày nào. Tại phiên toà ông T, bà V cũng công nhận vợ chồng ông T, bà V có vay của bà Đ số tiền 9.000.000 đồng là đúng thực tế. Khi bà Đ đòi nợ, bà V đã gọi điện bảo bà Đ đến nhà sẽ trả nhưng bà Đ không đến mà mang chuyện vợ chồng ông T, bà V vay tiền lên mạng xã hội bêu riếu, nói xấu và thách thức vợ chồng ông T, bà V, nên vợ chồng ông T, bà V không trả nợ mà để bà Đ khởi kiện ra Toà. Như vậy, xác định đây là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn, không có lãi. Khi bà Đ đòi nợ ông T, bà V không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc bà Đ yêu cầu ông T, bà V phải trả cho bà Đ số tiền nợ gốc đã vay là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc ông Quách Văn T, bà Lữ Thị V phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Bùi Thị Đ số tiền nợ gốc đã vay là phù hợp với quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Về lãi xuất: Quá trình vay nợ hai bên không thỏa thuận về lãi suất, bà Đ không yêu cầu tính lãi. Do đó, HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Bùi Thị Đ được chấp nhận nên ông Quách Văn T và bà Lữ Thị V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ. Trả lại cho bà Bùi Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 1 Điều 147; Điều 220; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463; Điều 466. Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Đ.

2. Buộc ông Quách Văn T và bà Lữ Thị V phải có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị Đ số tiền nợ đã vay là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và bà Bùi Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Quách Văn T, bà Lữ Thị V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Ông Quách Văn T, bà Lữ Thị V phải nộp 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Trả lại cho bà Bùi Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai số 0003450 ngày 26/11/2025.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Bà Bùi Thị Đ, bà Lữ Thị V và ông Quách Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND khu vực 7;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương Giang